

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

---

Tháng 3 năm 2016



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Ủy viên
Ông Đồng Xuân Bình	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2015)
Ông Phan Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 2 năm 2015)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Ngọc Bàng	Tổng Giám đốc
Ông Đồng Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phi Hùng	Phó Tổng giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 18 tháng 03 năm 2016*



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội  
Address: 15<sup>th</sup> Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi  
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 42.03/2016/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2016, từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất”).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

hường (nếu có) của việc sử dụng số liệu trên Báo cáo tài chính của các công ty này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.607.326.236 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 250.197.223.796 đồng. Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này. Do bản chất của sự việc, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán hữu hiệu để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về vấn đề này và ảnh hưởng của vấn đề này đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Nam Cường**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ  
VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Huy Hùng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2013-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>459.170.287.479</b>	<b>1.067.022.640.041</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.635.828.900</b>	<b>5.444.680.140</b>
1. Tiền	111		4.635.828.900	2.944.680.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>182.642.647.428</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	182.642.647.428
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>361.022.490.572</b>	<b>619.678.598.957</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	53.711.906.229	102.886.253.230
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.091.726.127	55.531.809.448
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		10.618.384.771	28.811.189.205
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	37.800.630.964	61.401.903.665
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	233.731.129.537	376.723.670.288
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.931.287.056)	(5.676.226.879)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>90.720.360.620</b>	<b>247.477.491.389</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.720.360.620	247.477.491.389
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.791.607.387</b>	<b>11.779.222.127</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.160.769.710	11.145.060.496
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		630.837.677	634.161.631
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>245.262.384.104</b>	<b>151.048.901.470</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165.662.044.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	165.662.044.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.263.529.245</b>	<b>81.899.006.129</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.908.712.777	81.265.580.417
- Nguyên giá	222		76.053.292.701	167.303.142.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.144.579.924)	(86.037.561.622)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	354.816.468	633.425.712
- Nguyên giá	228		1.509.038.220	1.509.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.154.221.752)	(875.612.508)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>14.384.852.429</b>
- Nguyên giá	231		-	15.339.660.584
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(954.808.155)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.671.233.910</b>	<b>5.113.879.120</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.671.233.910	5.113.879.120
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.774.895.701</b>	<b>6.524.875.901</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	11.774.895.701	6.524.875.901
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>25.890.681.248</b>	<b>43.126.287.891</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.087.577.738	21.825.607.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.160.248.823
3. Lợi thuế thương mại	269	V.12	9.803.103.510	16.140.431.245
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>704.432.671.583</b>	<b>1.218.071.541.511</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>704.863.919.930</b>	<b>1.183.501.013.726</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>527.777.613.715</b>	<b>939.387.436.625</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	145.366.069.143	219.428.744.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	127.153.231.537	228.398.655.168
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.957.340.629	24.694.995.287
4. Phải trả người lao động	314		9.214.086.606	12.815.179.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	30.332.823.964	56.656.254.767
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		10.801.668.182	10.801.668.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	81.354.327.844	257.871.725.976
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	85.223.066.009	107.794.697.589
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.374.999.801	20.925.516.279
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>177.086.306.215</b>	<b>244.113.577.101</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.899.999.973	2.899.999.973
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	174.186.306.242	189.671.418.342
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	-	51.314.699.937
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	227.458.849
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(431.248.347)</b>	<b>34.570.527.785</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>(431.248.347)</b>	<b>34.570.527.785</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	25.348.179.022
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(250.197.223.796)	(224.105.429.803)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(222.210.933.368)	(197.173.978.832)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(27.986.290.428)	(26.931.450.971)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.471.340.480	9.486.826.184
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>704.432.671.583</b>	<b>1.218.071.541.511</b>



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Văn Phúc**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hồng Anh**  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	110.357.633.042	379.630.978.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	319.956.301	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110.037.676.741	379.630.978.390
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	96.687.314.502	380.775.022.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.350.362.239	(1.144.043.976)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(1.596.262.393)	4.930.837.752
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.986.153.238	21.295.981.633
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.986.153.238	20.890.798.750
8. Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		1.200.683.923	1.940.818.359
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	32.897.507.563	28.777.949.110
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.330.244.878)	(48.227.955.326)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	13.791.754.123	28.591.511.347
13. Chi phí khác	32	VI.7	59.835.177	2.421.388.412
14. Lợi nhuận khác	40		13.731.918.946	26.170.122.935
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(26.598.325.932)	(22.057.832.391)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.455.677.013	5.665.153.062
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.054.002.945)	(27.722.985.453)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(27.986.290.428)	(26.931.450.971)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(67.712.517)	(791.534.482)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.281)	(1.233)



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Văn Phúc**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hồng Anh**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(26.598.325.932)</b>	<b>(22.057.832.391)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.241.362.203	25.486.546.954
Các khoản dự phòng	03	9.255.060.177	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.048.940.105)	(30.539.083.338)
Chi phí lãi vay	06	17.986.153.238	20.890.798.750
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.164.690.419)</b>	<b>(6.219.570.025)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	85.567.653.335	(28.186.976.046)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	156.760.454.723	331.677.909.036
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(382.354.324.745)	(262.735.523.377)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	14.722.320.871	11.783.767.540
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	182.642.647.428	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.798.067.135)	(3.551.783.079)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.584.523.637)	(2.289.888.473)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.003.680.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(2.185.233.141)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.791.470.421</b>	<b>41.296.382.435</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	-	(10.769.252.744)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	14.721.181.816	41.380.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2.972.823.499)	(7.859.556.450)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	21.144.239.756	4.062.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(10.500.019.800)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	36.890.464.245	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.967.338	233.304.569
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>59.286.009.856</b>	<b>27.046.995.375</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	46.853.686.000	20.663.081.666
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(120.740.017.517)	(89.049.910.259)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(73.886.331.517)</b>	<b>(68.386.828.593)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(808.851.240)</b>	<b>(43.450.783)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.444.680.140</b>	<b>5.488.130.923</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.635.828.900</b>	<b>5.444.680.140</b>



**Nguyễn Ngọc Bảng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

**Nguyễn Văn Phúc**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Hồng Anh**  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký cổ phần hoá ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thông nhất phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng công ty xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

**Hoạt động chính của Công ty:**

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây, trạm hạ thế dưới 110 KV), công trình nhà ở, công sở, thương mại, công trình cấp thoát nước;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn theo dõi, giám sát thi công các công trình xây dựng;
- Mua bán các thiết bị ngành điện, nước, sơn các loại, xe máy, đồ gỗ dân dụng, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề ngắn hạn, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ cung ứng lao động cho các doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Khai thác chế biến mua bán khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng các loại...);
- Kinh doanh phân bón nông nghiệp, các sản phẩm từ nông sản, dịch vụ cây giống;
- Kinh doanh các loại sản phẩm từ gỗ, khai thác và sơ chế gỗ, đồ mỹ nghệ;
- Đầu tư kinh doanh kho công nghiệp, khu đô thị, thủy điện dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy điện, điện năng, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Trang trí nội thất, tư vấn thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

<b>Công ty</b>	<b>Vốn đầu tư VND</b>
<u>Công ty con</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An;	10.199.955.452
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Dầu khí Nghệ An; và	30.037.405.703
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	91.645.000.000
<u>Công ty liên kết</u>	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp số 1 Nghệ An	5.250.000.000

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng công nợ ngắn hạn vượt tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 68.607.326.236 đồng, đồng thời lỗ lũy kế của Công ty là 250.197.223.796 đồng Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian ít nhất một năm tới. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 03 (ba) công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: Khối 14, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.  
Hoạt động chính: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.  
Giá trị đầu tư: 54.450.000.000 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 99%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 99%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

2. Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 415 Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, công trình giao thông, thủy lợi, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư: 681.927.274 đồng.  
Tỷ lệ lợi ích: 35,12%.  
Tỷ lệ biểu quyết: 51%.
  
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Nghệ An  
Địa chỉ: 45 Đường Trần Phú, thành phố Vinh - Nghệ An  
Hoạt động chính: Xây dựng nhà, đầu tư khu đô thị  
Giá trị đầu tư 350.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích 23,86%.  
Tỷ lệ biểu quyết 51%.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ lũy kế, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế và không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa theo thuế suất dự tính sẽ được áp dụng cho năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính hoặc ghi nhận vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả có liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc và kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	482.132.554	542.574.929
Tiền gửi ngân hàng	4.153.696.346	2.402.105.211
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.635.828.900</b>	<b>5.444.680.140</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	9.407.182.056	9.407.182.056
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	2.650.762.148	2.928.187.677
Công ty CP Xây lắp Dầu khí số 1 Nghệ An	2.529.859.000	2.529.859.000
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà Dầu khí	2.250.592.977	2.544.718.223
Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp và Dân	4.409.958.516	2.356.980.442
Các đối tượng khác	29.953.990.302	80.609.764.602
<b>Cộng</b>	<b>53.711.906.229</b>	<b>102.886.253.230</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Xây dựng Thanh Sơn	2.427.354.500	2.427.354.500
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu Khí Việt Nam	2.249.833.999	2.249.833.999
Trung tâm Công nghệ ĐT và HT việc làm - Đại học Quốc gia Hà Nội	1.691.669.667	1.691.669.667
Công ty CP Xây dựng & Đầu tư Phát triển Hạ tầng số 6	1.279.356.479	1.279.356.479
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí số 1	1.000.000.000	1.000.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	31.443.511.482	46.883.594.803
<b>Cộng</b>	<b>40.091.726.127</b>	<b>55.531.809.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cho vay ngắn hạn</b>		
Cho vay tính lãi		
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	7.353.069.383	11.344.009.150
- Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ an	18.029.000.000	18.129.000.000
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	4.208.088.307	6.608.088.307
- Công ty CP PVLAND	2.465.823.499	-
- Cho vay các đối tượng khác	5.744.649.775	24.920.806.208
Cho vay không tính lãi	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>37.800.630.964</b>	<b>61.401.903.665</b>

**5. Phải thu khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	10.645.922.709	28.038.480.277
Ký quỹ, ký cược	-	104.576.667
Phải thu các nhà thầu phụ dự án KCN Hoàng Mai	68.133.210.193	68.133.210.193
Các khoản ứng trước, chi hộ đơn vị thi công	122.540.271.650	216.779.524.665
Phải thu về chuyển nhượng CP	23.917.148.000	-
Cách khoản phải thu khác	8.494.576.985	63.667.878.486
<b>Cộng</b>	<b>233.731.129.537</b>	<b>376.723.670.288</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu về bán CP	{i} 165.662.044.000	-
<b>Cộng</b>	<b>165.662.044.000</b>	<b>-</b>

{i} Trong năm 2015, Công ty bán cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (PX1) cho Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai. Tiền bán cổ phần được thanh toán trong vòng 15 năm, mỗi năm 12 kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền hàng kỳ là 986.083.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Nợ xấu**

Đối tượng nợ	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Quá hạn thanh toán
	VND	VND		VND	VND	
Công ty CP Đầu tư Dầu khí VIP Việt Nam	68.133.210.193	68.133.210.193	Từ 2-3 năm	68.133.210.193	68.133.210.193	Từ 1-2 năm
Công ty CP Khoáng sản Xây dựng Dầu khí Nghệ An	16.243.627.096	16.243.627.096	Từ 2-3 năm	16.243.627.096	16.243.627.096	Từ 1-2 năm
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí số 1 Nghệ An	17.013.433.300	17.013.433.300	Từ 2-3 năm	22.989.471.277	22.989.471.277	Từ 1-2 năm
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Dầu khí Nghệ An	11.613.167.663	11.613.167.663	Từ 2-3 năm	12.547.996.208	12.547.996.208	Từ 1-2 năm
BDH Dự án NM xi măng 12/9 Anh Sơn	9.961.517.506	9.961.517.506	Từ 2-3 năm	9.889.374.077	9.889.374.077	Từ 1-2 năm
Công ty CP Xi măng Dầu khí Nghệ An	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 3 năm	8.036.087.000	8.036.087.000	Trên 2 năm
Tổng Công ty hợp tác kinh tế Việt Lào	4.500.000.000	4.500.000.000	Từ 2-3 năm	4.500.000.000	4.500.000.000	Từ 1-2 năm
Ban Điều hành dự án thủy điện Hòa Na	2.650.762.148	2.650.762.148	Từ 2-3 năm	2.650.762.148	2.650.762.148	Từ 1-2 năm
Tiền Bán Nhà Chung Cư toà nhà dầu khí	2.250.592.977	2.250.592.977	Từ 2-3 năm	2.250.592.977	2.250.592.977	Từ 1-2 năm
BQLĐL Dầu khí Vũng Áng Quảng Trạch	2.509.561.230	2.509.561.230	Từ 2-3 năm	2.509.561.230	2.509.561.230	Từ 1-2 năm
Ký túc xá Đại học Vinh	2.529.859.000	2.529.859.000	Từ 2-3 năm	2.529.859.000	2.529.859.000	Từ 1-2 năm
Công trình khí hóa lỏng	2.509.361.230	2.509.361.230	Từ 2-3 năm	2.509.361.230	2.509.361.230	Từ 1-2 năm
Phan Mạnh Hùng	2.000.000.000	2.000.000.000	Từ 2-3 năm	2.000.000.000	2.000.000.000	Từ 1-2 năm
Công ty CP Đầu tư đô thị Dầu khí Cửa Lò	1.274.875.901	1.274.875.901	Từ 2-3 năm	1.274.875.901	1.274.875.901	Từ 1-2 năm
Công ty Cổ phần T&T	1.072.685.791	1.072.685.791	Từ 2-3 năm	1.072.685.791	1.072.685.791	Từ 1-2 năm
Các đối tượng khác	13.855.675.139	13.855.675.139	Từ 2-3 năm	13.855.675.139	13.855.675.139	Từ 1-2 năm
<b>Cộng</b>	<b>166.154.416.174</b>	<b>166.154.416.174</b>		<b>172.993.139.267</b>	<b>172.993.139.267</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.045.860.753	-	15.651.274.717	-
Công cụ, dụng cụ	1.676.663.660	-	200.862.812	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	81.408.735.531	-	161.770.719.876	-
Thành phẩm nhập kho	1.597.332.798	-	1.597.332.798	-
Hàng hoá	2.991.767.878	-	68.257.301.186	-
<b>Cộng</b>	<b>90.720.360.620</b>	<b>-</b>	<b>247.477.491.389</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>67.385.184.055</b>	<b>48.569.921.541</b>	<b>44.324.243.864</b>	<b>2.658.480.901</b>	<b>4.365.311.678</b>	<b>167.303.142.039</b>
Điều chỉnh do phân loại lại	2.682.196.867	(7.310.688.791)	(5.455.725.813)	5.132.233.212	4.951.984.525	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.629.130.682)	(987.004.219)	(8.344.440.218)	-	-	(10.960.575.119)
Giảm khác (*)	(18.900.241.882)	(30.339.119.079)	(28.659.623.229)	(1.822.878.082)	(567.411.947)	(80.289.274.219)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>49.538.008.358</b>	<b>9.933.109.452</b>	<b>1.864.454.604</b>	<b>5.967.836.031</b>	<b>8.749.884.256</b>	<b>76.053.292.701</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>17.623.380.378</b>	<b>31.537.076.434</b>	<b>28.944.530.244</b>	<b>4.858.854.644</b>	<b>3.073.719.922</b>	<b>86.037.561.622</b>
Khấu hao trong năm	106.113.444	1.099.740.925	769.021.958	1.075.803.598	1.912.073.034	4.962.752.959
Điều chỉnh do phân loại lại	3.734.779.635	(5.341.957.063)	957.063.287	(676.207.899)	1.326.322.040	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.173.939.837)	(987.004.219)	(7.833.565.386)	-	-	(9.994.509.442)
Giảm khác (*)	(3.467.921.187)	(18.346.445.635)	(21.499.280.000)	(1.139.053.457)	(408.524.936)	(44.861.225.215)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>16.822.412.433</b>	<b>7.961.410.442</b>	<b>1.337.770.103</b>	<b>4.119.396.886</b>	<b>5.903.590.060</b>	<b>36.144.579.924</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>49.761.803.677</b>	<b>17.032.845.107</b>	<b>15.379.713.620</b>	<b>(2.200.373.743)</b>	<b>1.291.591.756</b>	<b>81.265.580.417</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>32.715.595.925</b>	<b>1.971.699.010</b>	<b>526.684.501</b>	<b>1.848.439.145</b>	<b>2.846.294.196</b>	<b>39.908.712.777</b>

(\*) Giảm khác là do trong năm 2015 Công ty thực hiện thoái vốn tại các công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại 01/01/2015	1.509.038.220	1.509.038.220
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>1.509.038.220</b>	<b>1.509.038.220</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại 01/01/2015	875.612.508	875.612.508
Khấu hao trong năm	278.609.244	278.609.244
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>1.154.221.752</b>	<b>1.154.221.752</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2015	633.425.712	633.425.712
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>354.816.468</b>	<b>354.816.468</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án khu nhà ở tại Thị trấn Quỳnh Hợp	1.015.007.615	1.015.007.615
Dự án Resort Cửa Lò	-	87.240.000
Khu sinh thái Hoàng Mai Ngọc	-	1.247.256.704
Xây dựng cơ bản khác	656.226.295	2.764.374.801
<b>Cộng</b>	<b>1.671.233.910</b>	<b>5.113.879.120</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Ngọc Bảng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Trần Thị Hồng Anh  
Người lập